

Khai thác các giá trị văn hóa sông nước trong phát triển du lịch nông nghiệp ở Đồng bằng sông Cửu Long

Thieu Quang Thinh*



Use your smartphone to scan this QR code and download this article

TÓM TẮT

Du lịch nông nghiệp (DLNN) là loại hình du lịch đang phát triển ở các quốc gia có lợi thế về nông nghiệp. Việc phát triển du lịch nông nghiệp đem lại nhiều cơ hội cho phát triển kinh tế và góp phần nâng cao đời sống xã hội của cư dân. Đồng bằng sông Cửu Long là đồng bằng châu thổ rộng lớn với hàng nghìn kênh rạch chằng chịt, được bồi đắp bởi phù sa từ dòng Mekong, thích hợp trồng cây lúa nước và cây ăn quả. Nơi đây là vựa lúa lớn nhất và quan trọng của Việt Nam. Đồng bằng sông Cửu Long còn là vùng văn hóa giàu bản sắc. Trong bài viết này, chúng tôi tập trung phân tích các giá trị văn hóa sông nước ở Đồng bằng sông Cửu Long, bao gồm: ẩm thực, cảnh quan sông nước, văn hóa sản xuất nông nghiệp, văn hóa làng nghề, chợ nổi, lễ hội, nghệ thuật truyền thống, trò chơi dân gian, ... Nghiên cứu sử dụng phương pháp thu thập dữ liệu, tổng hợp, phân tích và đánh giá thông tin. Nguồn dữ liệu được thu thập từ sách, bài nghiên cứu học thuật trên tạp chí chuyên ngành và kết hợp khảo sát điền dã. Kết quả nghiên cứu cho thấy Đồng bằng sông Cửu Long với những thế mạnh và đặc trưng riêng, là một trong những nơi phát triển du lịch nông nghiệp của cả nước. Trong đó, việc bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa sông nước có ý nghĩa đặc biệt trong xu thế hội nhập và phát triển du lịch hiện nay.

Từ khoá: du lịch nông nghiệp, văn hóa sông nước, Đồng bằng sông Cửu Long

ĐẶT VẤN ĐỀ

Đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL) được biết đến là vùng đồng bằng châu thổ rộng lớn, có thế mạnh trong phát triển nông nghiệp và là vựa lúa quan trọng của cả nước. Tuy nhiên, trong bối cảnh ĐBSCL đang chịu tác động nặng nề của biến đổi khí hậu bao gồm thiếu nước ngọt và xâm nhập mặn, thì việc chuyển đổi mô hình phát triển kinh tế ngày càng trở nên cấp thiết. Hiện nay, du lịch nông nghiệp (DLNN) là loại hình du lịch đang phát triển và phổ biến ở các lãnh thổ có lợi thế về nông nghiệp. Vì vậy, với ưu thế sẵn có về tài nguyên thiên nhiên phong phú và nét văn hóa đặc sắc, ĐBSCL có điều kiện để phát triển tốt loại hình du lịch này, trong đó có việc phát triển các hoạt động du lịch dựa trên khai thác các giá trị văn hóa sông nước. Bài viết được thực hiện thông qua các khảo sát thực tế và tổng hợp từ các tài liệu thứ cấp như: sách, báo, các công trình nghiên cứu, các báo cáo khoa học, ... Bên cạnh đó, tác giả sử dụng các phương pháp tổng hợp, hệ thống hóa, phân tích để xử lý các nguồn dữ liệu nhằm tiếp nhận những thông tin, nhận định có giá trị và phù hợp với vấn đề nghiên cứu. Mục tiêu của bài viết là nêu bật những đặc điểm quan trọng của văn hóa sông nước ĐBSCL. Dựa trên kết quả đó, tác giả đề xuất các giải pháp, định hướng cụ thể cho việc khai thác các giá trị văn hóa sông nước trong phát triển

DLNN, cũng như đưa ra giải pháp giữ gìn và bảo tồn văn hóa vùng ĐBSCL.

NỘI DUNG CHÍNH

Du lịch nông nghiệp ở ĐBSCL - tiềm năng rộng mở

Khái niệm du lịch nông nghiệp

Trên thế giới, DLNN đã phát triển ở nhiều quốc gia từ những thập niên cuối của thế kỷ 20. Ở châu Âu, các nước Anh, Pháp, Đức và Ý là những quốc gia tiên phong và đạt nhiều thành công trong loại hình du lịch này. Sau đó, DLNN bắt đầu lan tỏa và phát triển mạnh mẽ tại châu Á như Nhật Bản, Hàn Quốc, Đài Loan. Sang thập niên đầu tiên của thế kỷ 21, DLNN bèn rễ và tăng trưởng ở Đông Nam Á và Việt Nam.

Các khái niệm về DLNN hiện nay khá đa dạng. Trên thế giới, DLNN được xác định là: “*Loại hình du lịch do người chủ hoặc người điều hành nông trại triển khai kinh doanh nhằm mục đích nâng cao kiến thức và thư giãn giải trí đối với công chúng, quảng bá các sản phẩm của nông trại và từ đó tăng thêm thu nhập cho nông trại*”¹. Theo Ramiro E. Lobo và cộng sự: “*DLNN là khái niệm chỉ hoạt động đến tham quan một trang trại hoặc bất kỳ một cơ sở nào trong lĩnh vực nông nghiệp nhằm mục đích thư giãn, giải trí, nâng cao nhận thức, có thể chủ động tham gia vào hoạt động của nông*

Trường THPT Long Thới, Nhà Bè, TP.HCM, Việt Nam

Liên hệ

Thieu Quang Thinh, Trường THPT Long Thới, Nhà Bè, TP.HCM, Việt Nam

Email: thieuquangthinh@gmail.com

Lịch sử

- Ngày nhận: 7/7/2020
- Ngày chấp nhận: 3/11/2020
- Ngày đăng: 31/3/2021

DOI: 10.32508/stdjssh.v5i1.645



Bản quyền

© ĐHQG TP.HCM. Đây là bài báo công bố mở được phát hành theo các điều khoản của the Creative Commons Attribution 4.0 International license.



Trích dẫn bài báo này: Thinh T Q. Khai thác các giá trị văn hóa sông nước trong phát triển du lịch nông nghiệp ở Đồng bằng sông Cửu Long. *Sci. Tech. Dev. J. - Soc. Sci. Hum.*; 5(1):908-918.

trại hay cơ sở đỡ”². Christine Tew xác định: “DLNN là một thuật ngữ chỉ hoạt động tham quan trang trại hoặc các quá trình sản xuất nông nghiệp, kinh doanh nông nghiệp với mục đích nhận thức, sở thích, giáo dục hoặc nghỉ dưỡng, bao hàm trong đó cả tài nguyên nông nghiệp, tài nguyên tự nhiên và tài nguyên nhân văn”³. Ở Việt Nam, các nhà nghiên cứu sử dụng những khái niệm gần giống nhau như du lịch nông thôn, du lịch sinh thái. Bùi Thị Lan Hương cho rằng: “DLNN là một loại hình du lịch tạo ra sản phẩm du lịch phục vụ du khách chủ yếu dựa vào nền tảng của hoạt động sản xuất nông nghiệp”. Bên cạnh đó, tác giả cũng nhận định: “tài nguyên của loại hình du lịch này là tất cả những gì phục vụ cho hoạt động sản xuất nông nghiệp. Từ tư liệu sản xuất, đất đai, con người, qui trình sản xuất, phương thức tập quán kỹ thuật canh tác và sản phẩm làm ra... đến những yếu tố tự nhiên có liên quan đến sản xuất nông nghiệp như thời tiết, khí hậu, canh tác... đều là cơ sở tài nguyên cho DLNN”⁴.

Đào Thế Tuấn và Nguyễn Xuân Hoàn đưa ra khái niệm DLNN là loại hình “du lịch tham quan và tham gia vào các hoạt động nông nghiệp truyền thống, không phá hoại, hay làm ảnh hưởng đến năng suất cây trồng của địa phương”. Bên cạnh đó, hai tác giả cho rằng DLNN là một trong năm hình thức của du lịch nông thôn bên cạnh du lịch thiên nhiên, du lịch sinh thái, du lịch văn hóa, du lịch làng xã⁵.

Qua những khái niệm trên, chúng tôi xác định DLNN là một loại hình du lịch tạo ra sản phẩm phục vụ du khách chủ yếu dựa trên nền tảng của hoạt động sản xuất kinh tế nông nghiệp.

Tài nguyên của DLNN bao gồm: tài nguyên du lịch tự nhiên (khí hậu, thủy văn, hệ sinh thái...), tài nguyên du lịch văn hóa (kiến trúc, văn hóa truyền thống, lễ hội dân gian, sáng tạo lao động...).

Không gian tổ chức các hoạt động DLNN cho du khách là đồng ruộng, vườn cây, rừng trồng, ao nuôi, vườn ươm thực vật,... của hộ gia đình, trang trại, hợp tác xã, doanh nghiệp nông nghiệp...

Các chủ thể tham gia tổ chức DLNN là tất cả những người có thu nhập chủ yếu từ hoạt động sản xuất nông nghiệp bao gồm nông dân (chủ hộ, nhà vườn, chủ trang trại, chủ doanh nghiệp nông nghiệp...) và các doanh nghiệp du lịch hoặc các tổ chức liên quan đến du lịch cùng liên kết với nông dân trong việc thiết kế, xây dựng và thực hiện các chương trình DLNN.

Khách du lịch có thể tham gia cùng người nông dân trong quá trình gieo trồng, thu hoạch cây trồng, chăm sóc vật nuôi trên đồng ruộng, trong trang trại để tìm hiểu, học hỏi; trải nghiệm cuộc sống nhà nông; thư giãn, giải trí, rèn luyện thể lực và tinh thần; gắn gũi với thiên nhiên. Người nông dân thông qua du lịch

để quảng bá sản phẩm nông nghiệp của mình và cải thiện thu nhập từ nông nghiệp nhờ du lịch.

DLNN có vai trò quan trọng trong sự phát triển bền vững kinh tế - xã hội của vùng, của địa phương vì:

i) DLNN tạo cơ hội nâng cao thu nhập, chất lượng cuộc sống cho nông dân và người dân địa phương, giúp người dân địa phương gia tăng giá trị sản xuất sản phẩm nông nghiệp;

ii) Góp phần khai thác và sử dụng hiệu quả các nguồn tài nguyên, tạo cơ hội trong việc mở những mô hình kinh doanh mới từ những tài nguyên cũ sẵn có của địa phương;

iii) Hình thành mô hình kinh doanh hộ gia đình, giúp giải quyết việc làm cho lao động nhàn rỗi, cho phụ nữ nông thôn, tạo công ăn việc làm và thu nhập thêm cho người hưu trí, đưa con em thoát ly quay trở về làm việc tại địa phương;

iv) Là điểm đến phục vụ cho việc học tập phương thức, cũng như kinh nghiệm sản xuất nông nghiệp, trồng trọt, chăn nuôi, tìm hiểu văn hóa cộng đồng cho các đối tượng khách khác nhau;

v) Là một trong những phương pháp gián tiếp tác động đến việc bảo vệ môi trường tự nhiên, nâng cao nhận thức, dân trí cho người dân, đặc biệt là nông dân vùng sâu, vùng xa;

vi) Góp phần gìn giữ, bảo tồn, phát huy và phục dựng những giá trị vật chất cũng như tinh thần của người dân địa phương như các truyền thống văn hóa, phong tục tập quán, lễ hội, các loại hình nghệ thuật, làng nghề thủ công truyền thống thông qua hoạt động tìm hiểu, khám phá và trải nghiệm của du khách.

Tiềm năng du lịch nông nghiệp ở ĐBSCL

Tiềm năng tự nhiên

ĐBSCL là phần lãnh thổ nằm ở cực Nam của Tổ quốc và ở hạ lưu sông Mekong, phía Bắc giáp Thành phố Hồ Chí Minh và Đông Nam Bộ, phía Tây giáp Campuchia, phía Nam giáp vịnh Thái Lan, phía Đông giáp Biển Đông. Hiện nay, ĐBSCL gồm 13 tỉnh, thành phố là An Giang, Bến Tre, Bạc Liêu, Cà Mau, Cần Thơ, Đồng Tháp, Hậu Giang, Kiên Giang, Long An, Sóc Trăng, Tiền Giang, Trà Vinh và Vĩnh Long.

ĐBSCL là một trong những vùng đồng bằng rộng lớn và phì nhiêu nhất của Đông Nam Á với diện tích tự nhiên khoảng 40.000 km², khí hậu nhiệt đới ẩm với tính chất cận xích đạo, nhiệt độ trung bình năm 24-27⁰C, chênh lệch nhiệt độ ngày và đêm thấp [6, tr. 79]. Đất đai màu mỡ, được phù sa bồi đắp hằng năm, nên có khá nhiều loại đất khác nhau phục vụ cho sản xuất nông nghiệp, bao gồm: 1,2 triệu ha đất phù sa tốt (chiếm 29,7%), 1,6 triệu ha đất phèn (chiếm 40%), 744 ngàn ha đất mặn (chiếm tỷ lệ 16,7%), 134 ngàn

ha đất xám (chiếm 3,4%). Bên cạnh đó, nguồn nước mặt ở ĐBSCL với khoảng 2500 km sông rạch tự nhiên, khoảng 3000 km kênh đào và khoảng 1 triệu ha bề mặt ngập nước theo mùa đã hình thành nhiều hệ sinh thái đa dạng, là nơi sinh trưởng và cư trú của nhiều hệ động, thực vật thích nghi với cả môi trường nước ngọt và mặn, trong đó nhiều loài cho hiệu quả kinh tế cao [7, tr. 225,226].

Sông Mekong đổ vào nước ta với hai nhánh chính là sông Tiền và sông Hậu, tiếp nối với hàng ngàn sông, rạch lớn nhỏ và đổ ra chín cửa sông Cửu Long đã từ lâu tạo nên một nền văn minh sông nước, văn minh kênh rạch, văn minh miệt vườn đặc sắc. Đây chính là tài nguyên văn hóa cốt lõi của vùng ĐBSCL. “*Không đâu có được cảnh quan sông nước mênh mông, nhất là “kênh rạch” chằng chịt, trải dài bao la về bề ngang cũng như về bề rộng, bề dọc, xen kẽ giữa những dải đất, cồn đất, doi đất, cù lao, bán đảo, cây cỏ xanh tươi và những đầm lầy, rừng bưng sinh ngập... có nhiều đặc điểm sinh thái khác nhau rất phong phú, vừa mâu thuẫn mà lại vừa hòa hợp kỳ lạ đối với con người biết thích nghi để tạo nên một nền văn minh có sắc thái độc đáo của vùng có đủ loại “nước”, đủ loại “sông rạch”, đủ loại kênh mương*” [8, tr. 43]

ĐBSCL cũng rất ít khi chịu ảnh hưởng của gió bão và ít biến động về thời tiết; lũ ở ĐBSCL thuộc loại “lũ hiền”, tạo nên phong cách “sống chung với lũ” và mọi người vẫn quen gọi đó là mùa nước nổi.

Từ quá trình sinh hoạt, lao động trên sông nước, khai thác các nguồn lợi tự nhiên phục vụ cho cuộc sống, người dân ĐBSCL đã sản sinh ra những giá trị nhất định: “*Từ khai thác nguồn lợi thiên nhiên đến nuôi trồng động thực vật để duy trì cuộc sống; từ đập lúa trời đến trồng cây lúa nổi; từ cái nhà có nền đất cao đến cái nhà sàn có thể nâng hạ xuống; từ chiếc xuống bơi, xuống chèo, đến chiếc xuống chống sào; từ độc canh cây lúa đến đào mương lên liếp lập vườn làm nên cuộc cách mạng nông nghiệp vào cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX, tạo nên bộ mặt mới cho Nam bộ với văn minh miệt vườn... Tất cả những biến đổi đó đều có sự hiện diện, sự tác động của sông nước. Cư dân ĐBSCL đã biết tận dụng cái lợi và đối phó với cái hại do sông nước mang đến; cả hai động thái này tạo ra vô vàn sản phẩm văn hóa được các thế hệ kế tiếp vận dụng vào cuộc sống*” [9, tr. 10].

Giáo sư Trần Ngọc Thêm rút ra nhận định: “*tính sông nước hay “tính hòa hợp cao với thiên nhiên sông nước” - là một đặc trưng tính cách văn hóa xuất phát ở những vùng văn hóa có mạng lưới sông nước dày đặc chi phối toàn bộ cuộc sống vật chất và tinh thần của con người... Tính sông nước bắt nguồn từ hàng số tự nhiên, là “nơi gặp gỡ của những điều kiện tự nhiên thuận lợi” và “nơi gặp gỡ của các tuyến giao thông sông biển quốc tế”; đồng*

thời cũng chịu ảnh hưởng từ hai đặc trưng của tính cách văn hóa Việt Nam là “thiên về âm tính” và “tính ưa hài hòa”” [10, tr. 649-651].

Điều đó cho thấy: “*ĐBSCL là một vùng đất có tính chất “mở” và “động”. Thế mở của đồng bằng này có được là nhờ vào một số yếu tố: sông ngòi, kênh rạch dày đặc, chằng chịt giúp cho sự giao lưu giữa các địa phương được dễ dàng*”. Bên cạnh đó là sự kết nối giữa các nước thông qua dòng Mekong đã tạo cho ĐBSCL luôn mở ra mọi hướng. Tính chất “mở” của thiên nhiên luôn gắn liền với tính chất “động” khi đất của châu thổ vẫn hằng ngày sinh thành – biến dịch do sự bồi đắp của phù sa [11, tr. 18]. Vì thế, việc khai thác các giá trị tài nguyên sông nước phục vụ DLNN cần được quan tâm để phát triển sinh kế tộc người miền Tây Nam bộ, cũng như thúc đẩy tăng trưởng kinh tế của vùng ĐBSCL.

Tiềm năng kinh tế - xã hội

Song song với những thuận lợi về mặt tự nhiên thì ưu điểm về điều kiện kinh tế - xã hội của ĐBSCL như nguồn lao động dồi dào, lao động dân chuyên biến và có kinh nghiệm trong sản xuất nông nghiệp, thị trường tiêu thụ rộng lớn và ngày càng được mở rộng... cũng là những ưu thế nổi bật, góp phần phát triển nông nghiệp trong suốt thời gian qua. Song song đó, ĐBSCL là một trong những vùng đồng bằng duy nhất mà ở đó có bốn tộc người (Kinh, Hoa, Khmer, Chăm) cư trú. Mặc dù các tộc người cư trú có mặt vào những thời điểm khác nhau và có sự khác biệt về trình độ phát triển kinh tế, tổ chức xã hội, tôn giáo..., nhưng trải qua một khoảng thời gian dài cộng cư trên cùng một lãnh thổ thì các tộc người đã có quá trình giao lưu và tiếp biến văn hóa. Những giá trị chung giữa các tộc người là điều kiện cần bản mang đến sự ổn định cho phát triển nông nghiệp.

Với những lợi thế từ điều kiện tự nhiên, đặc biệt là thuận lợi về mặt khí hậu, đất đai và nguồn nước, ĐBSCL đã sớm trở thành vùng trọng điểm về sản xuất lúa gạo, trái cây và thủy sản của cả nước. Hàng năm, giá trị sản xuất nông - lâm - thủy sản của vùng chiếm khoảng 40%, kim ngạch xuất khẩu nông - lâm - thủy sản chiếm trên 42% tổng nông - lâm - thủy sản của cả nước. Sản lượng lúa của vùng chiếm trên 50% tổng sản lượng lúa; hàng năm đóng góp trên 90% sản lượng gạo xuất khẩu và trên 94% giá trị xuất khẩu gạo của cả nước. ĐBSCL cũng là vùng nuôi trồng thủy sản lớn nhất nước: diện tích nuôi chiếm 71%, sản lượng nuôi chiếm 72% của cả nước và giá trị xuất khẩu thủy sản chiếm đến 75% của cả nước. Ngoài ra, ĐBSCL còn sở hữu tiềm năng phát triển chăn nuôi để cung cấp thịt, trứng cho nội vùng, cho cả nước và xuất khẩu.

Hàng năm có đến 50% sản lượng các sản phẩm vật nuôi chính (thịt, trứng các loại) được đưa ra khỏi vùng để cung ứng cho các vùng lân cận và tham gia xuất khẩu [7, tr. 224].

Ngoài ra, ĐBSCL có sự tiếp giáp với một thị trường lớn là TP.HCM và Đông Nam Bộ có nhu cầu cao về lương thực – thực phẩm, nông - thủy sản đã góp phần thúc đẩy hoạt động sản xuất, kích thích sự hợp tác, giao lưu giữa các vùng kinh tế và các địa phương với nhau.

Có thể nhận định, nền kinh tế chủ yếu của ĐBSCL thuần chất là nông nghiệp. Đây chính là một trong hai yếu tố tạo tiền đề phát triển loại hình DLNN ở vùng đất này. Sản xuất nông nghiệp và những sản phẩm nông nghiệp chính là tài nguyên phục vụ hiệu quả cho việc phát triển kinh tế du lịch.

Một yếu tố địa – kinh tế quan trọng cũng cần nói đến đó là ĐBSCL có 340 km biên giới trên bộ và 750 km bờ biển, có vùng biển rộng lớn tiếp giáp với các nước ASEAN (Thái Lan, Malaysia, Philippines, Brunei và Campuchia) tạo điều kiện thuận lợi phát triển giao lưu thương mại và du lịch với các nước trong khu vực [6, tr. 89]. Trong tương lai với việc mở rộng liên kết khu vực, hợp tác đa phương chắc chắn sẽ thúc đẩy mạnh mẽ sự chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế, trong đó hoạt động du lịch là tiềm năng lớn.

KHAI THÁC CÁC GIÁ TRỊ VĂN HÓA SÔNG NƯỚC ĐBSCL PHỤC VỤ DU LỊCH NÔNG NGHIỆP

Giá trị ẩm thực vùng sông nước

ĐBSCL có khí hậu nhiệt đới, hệ thống sông ngòi chằng chịt, đất đai màu mỡ nên trái cây trù phú, cá tôm hào sảng, động thực vật thật phong phú. Từ nguồn thức ăn dồi dào đó mà các bữa ăn hàng ngày đều trở nên đa dạng về sản vật và giàu hàm lượng dinh dưỡng. Con người miền Tây Nam bộ đã biết tận dụng môi trường tự nhiên ứng xử một cách hợp lý với thiên nhiên để sáng tạo ra nhiều món ăn độc đáo, hấp dẫn với đủ hương sắc, ngũ vị.

Thực vật

ĐBSCL chính là vựa lúa của cả nước và gạo là lương thực chính trong mỗi bữa cơm gia đình. Từ hạt gạo có thể chế biến các món ăn khác nhau. Xay gạo thành bột làm ra các loại bánh như: bánh ướt, bánh xèo, bánh đúc, hoặc bánh tráng... Ở Sóc Trăng có một đặc sản đó là bánh công làm từ bột gạo với đậu xanh kèm theo con tôm rời chiên lên, đơn giản vậy nhưng thơm ngon, hấp dẫn. Bạc Liêu thì nổi tiếng có món bánh tằm Ngan Dừa với cọng bánh thơm dẻo, trắng mềm được làm từ bột gạo ăn chung với xiu mại, thịt

ba rọi. Tiền Giang có bánh giá Chợ Giông vang danh. Còn Trà Vinh thì có đặc sản bánh tét Trà Cuôn được nấu từ gạo nếp, nhân ở trong có thể là đậu xanh, mỡ hoặc nhân chuối. Mỗi loại bánh ở từng địa phương có những cách chế biến và nguyên liệu vùng miền khác nhau, tạo nên nét đặc sắc riêng.

Cùng từ lúa gạo, chế biến thành nổi cháo kèm theo các động, thực vật vùng sông nước như cá, tôm cua đồng... bông súng, bông điên điển, củ co,... cũng tạo nên một bữa ăn nóng hổi, thấm đẫm tình quê.

Sau lúa gạo, là rau quả, mùa nào thức nấy. Bàn về ẩm thực miền Tây chỉ riêng món rau thối cũng làm cho nhiều người choáng ngợp về sự giàu có của các loại hương đồng gió nội: như sen, súng, điên điển, lá hẹ, rau mác, bông lục bình, rau đắng... Các loại rau này không thể thiếu khi ăn chung với các món cháo, món lẩu, mắm kho... Dân dã thì có món canh chua gà nấu với lá giang cũng làm thực khách ngất ngây. Chính sự giàu có đó mà nhiều nhà hàng, các đầu bếp đã tìm tòi, trải nghiệm và chọn ra những loại rau củ có hương vị thơm ngon để phối hợp chế biến các món ăn tinh tế. Sen và ẩm thực từ sen nổi danh Đồng Tháp. Các bộ phận của sen được dùng để chế biến món ăn như: chè hạt sen, mít hạt sen, cháo gà nấu sen đến gỏi ngó sen, xôi lá sen, trà sen,...

Bên cạnh rau củ mang đậm hương vị quê nhà thì sông nước cũng góp phần nuôi dưỡng các loại cây ăn trái như khế, dứa, thốt nốt, chuối,... và cũng được chế biến chung với các thực phẩm khác nhau để tạo nên những món ăn giàu dinh dưỡng. Đặc biệt các loại cây ăn quả theo mùa, thường có trong các thực đơn tráng miệng sau các bữa ăn chính như: bưởi, chôm chôm, nhãn, măng cụt, bòn bon,...

Ví như Bến Tre – xứ sở của dứa thì các món ăn cũng được chế biến từ cây trái này như: cơm dứa, gỏi củ hũ dứa, tôm hấp dứa, thịt kho nước dứa, bánh bò nước cốt dứa, kem xôi dứa, rượu dứa,...

Động vật

Đối với người miền Tây sau “cơm rau” là phải nói đến “cơm cá”. Quanh năm, mùa nào cũng có cá, nhưng có vài loại cá đặc biệt chỉ xuất hiện vào mùa nước nổi, đáng kể là con cá linh.

Cá linh là một sản vật đặc biệt của mùa nước nổi mà thiên nhiên đã ưu đãi cho cư dân ĐBSCL. Cá linh non nhỏ bằng đũa ăn thì làm mắm kho, kho lạt, làm lẩu, nhúng giấm, lăn bột chiên giòn, lớn hơn một chút thì nấu canh chua, kho sả...; lớn cỡ ngón tay cái, thì nấu canh chua càng ngon, chiên, đặc biệt là kho mía, kho rệu... làm mắm, nấu nước mắm [9, tr. 78].

Ngoài các loài cá thì sông nước miền Tây cũng cung cấp lượng lớn các loài thủy sản như tôm, cua, sò, ốc,

ngheo, vọp, ba khía, ba ba,... và được chế biến thành những món ăn đặc sắc.

Ngoài heo, gà, vịt, ... là những vật nuôi gắn liền với đời sống nông nghiệp thì người miền Tây còn khai thác các nguồn thức ăn từ thiên nhiên hoang dã như lươn, ếch, .. và đặc biệt phải kể đến chuột đồng. Chuột đồng ở vùng Đồng Tháp Mười nổi tiếng hơn cả nhờ môi trường tự nhiên thuận lợi, do đó ẩm thực thịt chuột với các món chuột xào lăn, chuột đút lò, chuột khìa nước dừa... rất được khách du lịch ưa thích.

Cách chế biến

Từ những sản vật phong phú vùng sông nước, người dân ĐBSCL cũng tạo ra các công thức chế biến khác nhau tạo nên nét đẹp riêng trong ẩm thực. Hình thức chế biến từ nấu, hấp, kho, chiên, xào, nướng, um, khìa, rang,... đến lên men, ủ chín (làm mắm), phơi khô,... Trong đó làm mắm là một cách chế biến đặc biệt để tạo ra loại nước chấm đậm sắc hương và triết lý “ăn mắm thấm lâu” thể hiện sự chơn chất, ăn chắc mặc dày, thủy chung,... của cư dân miền sông nước. Có 2 cách chế biến nước mắm được người miền Tây thực hiện đó là nước mắm nấu (dùng lửa để nấu cá) và nước mắm ủ (tự cá phân hủy). Ngoài ra, tùy theo món ăn mà có cách pha chế chén nước chấm kèm theo như mắm mặn, mắm tỏi ớt, mắm gừng, mắm nêm, mắm sả,...

Địa phương được xem là “thủ phủ” của các loại mắm phải nhắc đến Châu Đốc (An Giang) với mắm cá lóc, mắm cá sặc, mắm cá trèn, mắm cá chốt, mắm cá mè vinh, mắm cá linh... Ngoài ra, các tỉnh thành khác cũng có những loại mắm đặc trưng như mắm còng (Bến Tre), mắm rươi (Trà Vinh), mắm bò hóc (Sóc Trăng),...

ĐBSCL là nơi chung sống của các dân tộc Kinh, Hoa, Khmer, Chăm. Vì vậy, về phương diện văn hoá - tín ngưỡng, vùng đất này có sự pha trộn, giao thoa lẫn nhau. Tuy vậy, ở mỗi dân tộc, về một phương diện nào đó, đều lưu giữ lại những nét riêng của mình. Mỗi dân tộc có một số món ăn đặc trưng: canh chua, cá kho tộ, lẩu mắm, cá lóc nướng trui... là những món ăn đặc trưng của người Việt. Còn bún nước lèo, canh xiêm lo... là đặc trưng của người Khmer. Người Hoa thì có các món: heo quay, vịt tiềm, vịt khìa, canh thuốc bắc, hột vịt muối, bánh pía, mè láo....

Nét đặc sắc của ẩm thực ĐBSCL là ẩm thực sông nước gắn với những nguyên liệu hết sức đơn giản, dân dã, tự nhiên. Ẩm thực sông nước có thể được coi là đóng góp hết sức có giá trị của ĐBSCL với văn hóa ẩm thực và du lịch Việt Nam.

Giá trị của cảnh quan sông nước trong việc cư trú, phương tiện đi lại, vận chuyển

Không gian cư trú, lưu trú

Từ bao đời nay, các lớp lưu dân bằng những kinh nghiệm tích lũy, đã tổ chức không gian cư trú phù hợp, an cư lập nghiệp trong điều kiện tự nhiên mà sông nước là yếu tố chủ đạo. Theo đó, nơi định cư, cư trú thường ven các dòng sông, vàm rạch hay đường cái để thuận tiện đi lại. Sông rạch có thể ở phía trước hoặc phía sau nhà. Thường thì cư dân miền Tây làm nhà sàn, nhà nửa sàn nửa đất, nhà bè, hoặc nhà nổi (mùa nước nổi). Không gian nhà thường được bao bọc bởi ruộng vườn, ao hồ, cây trái tạo một cảnh quan thiên nhiên hiền hòa. Các chất liệu dựng nhà cũng dựa vào tự nhiên như: mái nhà bằng lá dừa nước, nền đất, tường tre, vách lá, trụ gỗ chịu nước (sử dụng cây sao, trai, cà chắt,...),...

Qua cách sinh hoạt, dựng nơi cư trú của người dân miền Tây, khi phát triển DLNN nhằm tạo dấu ấn riêng, nhà làm du lịch có thể nghiên cứu, phát triển các loại hình lưu trú, homestay thân thiện với thiên nhiên sông nước, tạo cảm hứng, và sức sống riêng nhằm kéo dài thời gian lưu trú của du khách.

Phương tiện đi lại, vận chuyển trên sông nước

Có lẽ dấu ấn về một vùng sông nước là cái mạnh mẽ nhất trong mỗi người đến với ĐBSCL. Ngay từ khi khai phá, lập làng, lập ấp, lưu dân miền Tây đã sớm biết vận dụng và sáng tạo những loại phương tiện phù hợp với địa hình để phục vụ đời sống vật chất. Nhiều loại hình phương tiện như ghe, xuồng, vò lái,... được cải biên, biến tấu để đi lại ở các địa hình sông lớn, rạch nhỏ khác nhau.

Trong đó, chiếc xuồng ba lá chổng bằng cây sào nạng ra đời mang một nét văn hóa rất đặc trưng: “*Dấu xuồng ba lá lênh đênh/ Cầu tre lắt lẻo gập ghềnh khó đi/ Anh ơi chớ ngại ngần chi/ Ngồi xuồng ba lá giữa kỳ nước lên*”. Xuồng ba lá được ghép bằng 3 tấm ván kết lại thành hình nửa con thoi. Tính ưu việt của xuồng ba lá là trượt trên bùn cạn, cỏ rậm bởi lườn xuồng là một tấm ván bằng phẳng, mũi cao, nhọn thon có thể chèo vào cỏ cao [12, tr. 110].

Ngoài các loại xuồng là phương tiện di chuyển trong cự ly ngắn, chuyên chở ít, thì người dân ĐBSCL còn dùng các phương tiện vận tải có trọng lớn và đi xa, như ghe tam bản, ghe lườn, ghe chài, ghe bầu,...

Hiện nay, để đáp ứng nhu cầu vận chuyển, đi lại nhanh chóng tiện lợi thì xuồng, ghe, vò đều có gắn động cơ lớn nhỏ tùy trọng tải để di chuyển, vận chuyển hành khách, hàng hóa.

Giá trị văn hóa sông nước trong lao động, sản xuất

Khai thác, canh tác các loài thực vật

ĐBSCL là châu thổ giàu phù sa rất thích hợp cho việc canh tác các loại cây trồng, nhất là đối với cây lúa và cây ăn quả. Trong đó, trồng lúa nước là công việc hàng đầu của người dân vùng ĐBSCL. Những giá trị văn hóa trong sáng tạo công cụ, kỹ thuật, biện pháp và những phương pháp canh tác trên đồng ruộng, đã hình thành một nền “văn minh lúa nước” ở ĐBSCL. Đơn cử cho sự sáng tạo và nét đặc trưng trong công cụ đó là cây phăng. Hình dáng chiếc phăng là một loại dao có cán ngắn, lưỡi dài, uốn cong nhiều hay ít so với yêu cầu tùy địa hình và cỡ tay người dùng. Cổ phăng tạo thể mạnh để đưa nhanh chậm tốc độ lia phăng. Di dân người Việt đã dùng cây phăng đa năng vừa có tác dụng phát cỏ dọn bờ, vừa dùng làm công cụ bằm nhuyễn cây rác đất bùn thành ruộng thuận thực có bờ, có góc rõ ràng để gieo trồng lúa [8, tr. 216-217]. Nhờ cây phăng này mà di dân người Việt xưa đã khai hoang khá nhanh khi vào vùng đất Nam bộ và nay vẫn còn nguyên giá trị.

Bên cạnh nghề trồng lúa nước, người dân nơi đây trồng và khai thác các loài thực vật khác như: hái sen, bông điên điển, nhổ bông súng, ngắt đọt rau....

Các hoạt động này mang nét đặc trưng trong hoạt động sản xuất nông nghiệp ở ĐBSCL. Để phát triển DLNN, chúng ta nên xây dựng những sản phẩm nông nghiệp, tour du lịch trải nghiệm như: một ngày làm nông dân, một ngày hái sen, trồng rau... sẽ tạo nên sự đa dạng và thu hút nguồn khách từ các thành thị, khách nước ngoài.

Khai thác thủy sản

Nguồn lợi từ sông nước rất quan trọng, trong đó vào mùa nước nổi hay còn gọi là mùa “cá lên” tạo ra nguồn thủy sản phong phú. Đặc biệt là các loài cá nước ngọt như: cá rô, cá lóc, cá sặc, cá linh,...

Tùy theo từng thời điểm, địa hình, loại thủy sản người khai thác sẽ sử dụng một kiểu bắt thích hợp. “*Các phương tiện đánh bắt thủy sản có tính đặc thù. Đó là những loại câu thướt, câu nhấp, câu rê, câu dầm, câu cầm, câu giăng, câu dẩu ó được ứng dụng theo nguyên tắc câu cân truyền thống. Về loại công cụ bằng lưới cũng được ứng dụng khá đa dạng. Đó là những xiệp, te, đày, càng chong, vó vạt, vó càng, lưới rừng, lưới chụp, lưới bén, lưới trần...*” [13, tr. 41]. Ngoài ra có các ngư cụ đánh bắt khác như: đàng, đó, lợp, lờ, xà di, bung, dớn,... rất đa dạng. Điều đó chứng tỏ, qua thời gian dài, người nông dân miền Tây Nam bộ đã tích lũy kinh nghiệm sản xuất và sáng tạo ra những giá trị văn hóa trong việc thích ứng với điều kiện lao động.

Chúng ta hiện nay có thể xây dựng những sản phẩm DLNN dựa trên những kiến thức trong việc khai thác thủy sản hoặc tạo ra những sản phẩm du lịch trải nghiệm như: lặn bùn đánh bắt cá, chèo xuồng câu tôm, đặt lợp cua đồng,...

Các làng nghề gắn với sông nước

Làng nghề truyền thống ĐBSCL gắn liền với sự phát triển văn hóa của địa phương. Sản phẩm của làng nghề thủ công là sự kết tinh của lao động vật chất và lao động tinh thần, được tạo nên bởi bàn tay tài hoa và óc sáng tạo của người miền Tây Nam bộ. Những người thợ trong làng nghề cũng đồng thời là những người nông dân gắn liền với vườn tược, ruộng đồng và sông nước.

Ở ĐBSCL đã hình thành “*một hệ văn hóa làng nghề độc đáo phục vụ cho nhu cầu sông nước như nghề sản xuất dụng cụ đánh bắt cá; nghề đóng ghe và sửa chữa ghe xuồng và những nghề thủ công tận dụng các loại cây cỏ của vùng sông nước như nghề làm nghề đờn đệm, làng nghề dưa, làng nghề làm đay, làng nghề làm cói,...*” [10, tr. 656].

Bên cạnh đó, làng nghề còn thể hiện nét văn hóa qua hoạt động lễ hội, hoạt động mua bán sản phẩm và sắc thái sông nước của các địa phương. Làng nghề là môi trường bảo tồn và lưu truyền những bí quyết, tinh hoa truyền thống từ thế hệ này sang thế hệ khác.

Khách du lịch có xu hướng trực tiếp trải nghiệm những hoạt động sản xuất, những nét văn hóa địa phương. Làng nghề chính là địa điểm để du khách tận tay thực hiện những điều đó. Và những sản phẩm mỹ nghệ của làng nghề sẽ là món quà lưu niệm đáng nhớ của chuyến du lịch. Do đó, các địa phương nên quan tâm duy trì, bảo tồn và phát triển các làng nghề, cũng như đa dạng hóa các sản phẩm mỹ nghệ để nâng cao nguồn thu từ du lịch.

Chợ nổi

Hệ thống sông ngòi, kênh rạch không chỉ là các tuyến giao thông đường thủy quan trọng mà còn là tài nguyên du lịch đặc sắc của vùng với các tour tuyến bằng phương tiện thuyền, ghe, xuồng.... Các con kênh, rạch là các tuyến giao thông quen thuộc của người dân ĐBSCL, các điểm giao cắt của các con kênh trở thành chợ nổi, nơi giao lưu, giao thương của người dân.

Chợ nổi là nét đẹp riêng có của ĐBSCL, được hình thành do tác động của sản xuất nông nghiệp, do việc sản xuất nông sản nhiều, dư thừa và cần có nơi để trao đổi [14, tr. 27]. Đó là một loại hình chợ họp trên sông, nơi cả người bán và người mua đều dùng ghe, thuyền làm phương tiện vận tải và di chuyển. Chợ

hợp cả ngày, nhưng thường nhộn nhịp nhất vào buổi sáng. Trên thuyền chất đầy hàng hóa, phổ biến là các sản phẩm nông nghiệp (như rau đậu, bầu bí,...), các loại trái cây (như cam, xoài, bưởi, dưa...). Nét riêng của các thuyền là trên mỗi thuyền có một vài cây sào, trên đó treo lủng lẳng các loại sản phẩm mà mình có bán. Cho nên khách hàng chỉ cần nhìn vào cây sào đó là có thể biết trên thuyền, ghe đó có thứ mình cần hay không. Trong tiềm thức cũng như hiện tại, những chợ nổi ở các địa phương khác nhau trở thành nơi gặp gỡ của những người buôn bán trên sông (thương hồ). Ở các địa phương như Cái Bè (Tiền Giang), Cái Răng (Cần Thơ), Vàm Láng (Phong Điền), Ngã Bảy Phụng Hiệp (Hậu Giang), sông Gành Hào (Cà Mau), Vĩnh Thuận (Kiên Giang), Long Xuyên (An Giang)... từ lâu đã hình thành chợ trên sông nổi tiếng¹⁵.

Chợ nổi là một địa điểm tham quan DLNN cần có sự chăm chút và quan tâm để bảo tồn và phát triển. Đó chính là một sản phẩm, một không gian kinh tế sông nước đặc trưng mà chỉ riêng vùng ĐBSCL có được.

Các giá trị văn hóa khác

Lễ hội trên sông nước

Các lễ hội dân gian ở ĐBSCL được hình thành và phát triển từ quá trình lao động, canh tác nông nghiệp từ lúc khẩn hoang, lập làng cho đến hiện nay. Lễ hội giúp người nông dân miền sông nước thỏa mãn nhu cầu tinh thần, dựa vào thần thánh để tạo ra chất xúc tác niềm tin. Bên cạnh đó, lễ hội còn được hình thành trên đạo lý truyền thống “uống nước nhớ nguồn”, nhớ ơn ông bà, tổ tiên, tiền hiền của vùng đất. Tùy vào nội dung hoạt động có thể phân ra các loại hình lễ hội lịch sử, lễ hội tín ngưỡng, tôn giáo và lễ hội dân gian của khu vực. Các lễ hội đặc sắc nhất của ĐBSCL tập trung tại An Giang, Sóc Trăng, Trà Vinh, Kiên Giang và Bến Tre.

Đặc biệt, các lễ hội trên sông nước nếu khai thác tốt sẽ góp phần bảo tồn và phát triển kinh tế địa phương cụ thể như lễ hội nghinh Ông ở Vàm Láng (Tiền Giang), Bình Thắng (Bến Tre), Sông Đốc (Cà Mau), Hòn Sơn (Kiên Giang)... lễ hội Ok Om Bok của người Khmer tỉnh Trà Vinh, Sóc Trăng...

Đây là tài nguyên du lịch đặc sắc gắn với văn hóa bản địa kết hợp với sông nước, biển đảo, đồng thời là sản phẩm du lịch đặc trưng của vùng. Nếu khai thác tốt sẽ tạo nên giá trị cao trong việc quảng bá di sản văn hóa phi vật thể ĐBSCL đến với số đông du khách, cũng như góp phần bảo tồn di sản văn hóa cho các thế hệ sau.

Nghệ thuật dân gian, truyền thống

Đối với phát triển du lịch, ca múa nhạc dân tộc cũng là một loại hình sản phẩm du lịch đang được khai thác và đầu tư phát triển. Tiêu biểu là đờn ca tài tử, vọng cổ, cải lương và hò đối đáp trên sông nước.

Sinh hoạt diễn xướng hò đối đáp vừa là những cuộc gặp gỡ trữ tình đậm thắm, những trao đổi ân tình giao duyên kín đáo, vừa mang âm hưởng của sông nước, vừa chứa đựng những tình cảm quê hương sâu lắng. Hò chèo ghe Bạc Liêu có thể xem là sản phẩm đặc trưng của loại hình diễn xướng dân gian miền sông nước [16, tr. 214].

Đờn ca tài tử Nam bộ - di sản văn hóa phi vật thể đại diện của nhân loại, là loại hình nghệ thuật đặc sắc của miệt vườn sông nước miền Tây, là sự kết hợp tinh tế - hòa quyện giữa tiếng đờn, lời ca và điệu diễn, vừa phản ánh tinh hoa văn hóa ngàn năm văn hiến của dân tộc, vừa mang những nét đặc trưng của người dân vùng đất ĐBSCL - cần cù, bình dị, chân thật, phóng khoáng, nghĩa hiệp, can trường nhưng rất đỗi nhân văn. Đờn ca tài tử sông nước gắn với sân khấu nổi sẽ là một sản phẩm du lịch tiềm năng.

Ngoài ra, vùng ĐBSCL còn có nghệ thuật sân khấu Dù Kê, Rô Băm của người Khmer ở Sóc Trăng. Đây là những sản phẩm du lịch văn hóa rất đặc thù của vùng. Nếu khai thác tốt sẽ mang lại hiệu quả kinh tế, giải quyết việc làm cho người dân địa phương và trong vùng.

Trò chơi dân gian gắn với sông nước

Sông nước không chỉ gắn bó với đời sống sản xuất, lao động mà còn gắn liền với những hoạt động vui chơi, giải trí. Đặc điểm của “hoạt động vui chơi luôn gắn với hoạt động hội mùa có tính chu kỳ, đánh dấu sự bắt đầu hay chấm dứt của các hoạt động sản xuất...đan xen với nông lịch” [17, tr. 52]. Vì vậy, trong những dịp lễ hội, cúng đình đã tổ chức các trò chơi dân gian như bắt vịt, tát mương bắt cá, đua xuồng ba lá... tạo không khí vui tươi, vận động khỏe khoắn trong cộng đồng địa phương.

Một trò chơi dân gian gắn liền với lễ hội Ok om bok của người Khmer là đua ghe ngo. “Ngày hội thi có hàng chục chiếc tuk ngo từ các chùa Khmer về dự thi. Mỗi chiếc có hàng chục tay bơi không chuyên được phum, sóc tổ chức cho tập luyện mười bữa nửa tháng... rồi đi thi. Ghe nào về nhất sẽ là niềm vinh hạnh và tự hào cho chùa và bà con trong phum sóc nơi đó” [16, tr. 275-276].

Trò chơi dân gian của vùng sông nước miền Tây nếu biết cách khai thác sẽ phát huy giá trị trong các hoạt động du lịch trải nghiệm hoặc du lịch team building. Tóm lại, dựa vào thế mạnh về tài nguyên sẵn có, thì tiềm năng về văn hóa sông nước ĐBSCL là hết sức to

lớn, góp phần phát triển kinh tế nói chung và du lịch nói riêng, có những tài nguyên đã và đang khai thác hiệu quả, có những tài nguyên chưa được khai thác để phát triển du lịch một cách bài bản.

MỘT SỐ ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN DU LỊCH NÔNG NGHIỆP NHẪM BẢO TỒN VÀ PHÁT HUY GIÁ TRỊ VĂN HÓA SÔNG NƯỚC ĐBSCL

Khai thác theo hướng bền vững, bảo vệ môi trường

Theo chu kỳ hàng năm, mùa lũ về sẽ mang theo lượng phù sa màu mỡ từ thượng nguồn sông Mekong bồi đắp cho đất đai, đồng ruộng, mang theo một lượng lớn cá, tôm,... để nghề đánh bắt theo mùa này cũng phát triển. Du lịch trên sông nước vào mùa nước nổi cũng từ đó được hình thành. Tuy nhiên, từ năm 2015, ĐBSCL không còn lũ mang phù sa bồi đắp nữa mà phải đối diện với hiện tượng xâm nhập mặn của nước biển, có nơi vào sâu đến 60 km, gây tác động lớn đến môi trường¹⁸.

Đến nay, những tháng đầu năm 2020, các kênh truyền thông liên tục đưa tin về tình hình hạn mặn, thiếu nước ngọt đang diễn ra trầm trọng ở các tỉnh ĐBSCL. Đó chính là những tác động mạnh mẽ của biến đổi khí hậu, sự khai thác tài nguyên nước không kiểm soát ở thượng nguồn sông Mekong đã ảnh hưởng đến đời sống sinh hoạt và thiệt hại kinh tế nghiêm trọng ở hạ lưu ĐBSCL.

Như thế, sông nước được xem là tài nguyên tự nhiên quan trọng đang bị ảnh hưởng trực tiếp, liên tục, sẽ dẫn đến loại hình DLNN ở ĐBSCL giảm sức hút, đe dọa trực tiếp đến mức độ an toàn của cộng đồng địa phương và cả du khách. ĐBSCL nằm trong vùng bị ảnh hưởng trực tiếp và nghiêm trọng nhất vì thế phát triển bền vững du lịch nói riêng và phát triển bền vững quốc gia nói chung cần có những giải pháp mang tính vĩ mô, thiết thực, kịp thời và nhanh chóng.

Một số giải pháp trong khả năng ngành du lịch làm được: *một là*, phát triển du lịch xanh, bảo vệ môi trường và cảnh quan thiên nhiên, giữ gìn văn hóa bản địa đối với người dân địa phương; *hai là*, mở rộng và hoàn thiện các tuyến đường sông, biển, trong đó cần lưu ý tác động đến sinh hoạt và sản xuất nông nghiệp; *ba là*, bảo tồn bản sắc các tộc người; tôn vinh nét đặc sắc, độc đáo và phát huy được tính giao thoa, cấu kết của các cộng đồng đang sinh sống trong vùng.

Các địa phương, các hãng lữ hành có thể tổ chức các tour du lịch tìm hiểu và chung tay bảo vệ cảnh quan thiên nhiên sông nước; các chuyến đi du lịch kết hợp hoạt động bảo tồn, tham gia hoạt động bảo vệ đa dạng

sinh học, tài nguyên nước; tour du lịch không rác thải nhựa, hoặc lựa chọn các phương tiện xuồng, ghe, đi bộ du lịch để thay thế cho các phương tiện có khí thải CO₂.

Khai thác theo hướng liên kết, hợp tác khu vực

Hướng đến việc khai thác có hiệu quả tài nguyên DLNN, các cấp quản lý cần liên kết và chia sẻ lợi ích với các doanh nghiệp du lịch trong nước và quốc tế. Các tổ chức, công ty du lịch cần mở rộng hợp tác trong nước và quốc tế trong việc nổi tour, tuyến du lịch; song song với việc hợp tác đào tạo nguồn nhân lực thông qua các khóa tập huấn, đào tạo bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên sâu.

ĐBSCL cần có sự chủ động phối hợp, liên kết hiệu quả trong việc khai thác hợp lý tài nguyên, có khai thác đồng thời có bảo tồn, giữ gìn. Đặc biệt là hợp tác liên vùng, liên biên giới giữa các tỉnh ĐBSCL với các tỉnh, các quốc gia có sông Mekong chảy qua để hoàn thiện chính sách quy hoạch, xây dựng tiêu chí kiểm tra, giám sát nhằm bảo đảm an ninh nguồn nước.

Các cấp chính quyền, ngành du lịch cần có sự hợp tác, liên kết với người dân địa phương trong việc định vị sản phẩm du lịch thông qua các buổi hội thảo, tọa đàm, giao lưu định kỳ; trao đổi kinh nghiệm kinh doanh du lịch homestay, trang trại, làng du lịch...; đồng thời chia sẻ các giải pháp tạo ra sản phẩm, dịch vụ du lịch độc đáo nhằm đáp ứng nhu cầu của từng nhóm khách du lịch trong nước và quốc tế.

Khai thác theo hướng chuyên môn hóa, kết hợp xu hướng hiện đại hóa

Hiện nay, vấn đề đặt ra trong phát triển loại hình DLNN đó là tính đơn điệu, trùng lặp của các sản phẩm du lịch. Motip quen thuộc của các tour du lịch thường là đi xuồng vào các kênh rạch nhỏ, tham quan vườn trái cây, lò kẹo dừa, lò bánh tráng, đi xem chợ nổi, ăn trái cây, nghe đờn ca tài tử.

Vì vậy, cần phải ưu tiên phát triển các sản phẩm, mô hình du lịch đặc thù trên sông nước trong vùng ĐBSCL theo hướng chuyên môn, phù hợp với điều kiện từng địa phương. Các cấp quản lý cần hỗ trợ, tư vấn trong việc tổ chức các hoạt động DLNN thông qua các sự kiện, triển lãm, lễ hội,... kích cầu du lịch ở khu vực ĐBSCL. Chính phủ, ngân hàng hỗ trợ vay vốn, cho vay không lãi suất đối với các gia đình, cá nhân có phương án kinh doanh DLNN, homestay ở địa phương, các vùng phù hợp,...

Các sản phẩm du lịch ở một số quốc gia trong khu vực đang hướng đến lợi thế so sánh như: Malaysia – du lịch nghỉ dưỡng, du lịch chữa bệnh, du lịch giáo dục

và du lịch MICE; Singapore – du lịch MICE, du lịch kết hợp tham gia sự kiện; Thái Lan – du lịch văn hóa; Indonesia – du lịch sinh thái, du lịch cộng đồng¹⁹. Bên cạnh đó, sự phát triển của nền kinh tế tạo ra sự bùng nổ về số lượng người giàu, trung lưu trong xã hội đã làm thay đổi xu hướng tiêu dùng sản phẩm du lịch của thế giới. Đặc biệt, sự bùng nổ của mạng xã hội và các ứng dụng trên điện thoại di động tác động rất lớn đến việc lựa chọn điểm đến, nơi lưu trú, địa điểm ăn uống của du khách. Vì vậy, ĐBSCL cần phát huy tối đa các lợi thế tiềm năng về tài nguyên tự nhiên và văn hóa; hài hòa trong xây dựng, phát triển sản phẩm du lịch; phát huy tính trải nghiệm, đáp ứng nhu cầu đa dạng của các thị trường khách du lịch trong từng loại hình sản phẩm; gia tăng tính hấp dẫn và tính bền vững của sản phẩm du lịch; phát triển các sản phẩm du lịch thông minh đảm bảo tính cạnh tranh quốc tế và khu vực.

Ví dụ, du lịch ẩm thực hiện đang là một xu hướng lớn trên thế giới. Thường thức ẩm thực là sở thích của hàng triệu người, nó ngày càng chiếm vị trí quan trọng trong chuyến du lịch và đã trở thành một trong những lý do chính khi du khách lựa chọn điểm đến. ĐBSCL có bản sắc ẩm thực phong phú, khác biệt ở từng địa phương chắc chắn sẽ trở thành yếu tố tạo sức cạnh tranh cho sản phẩm du lịch.

Với việc trải nghiệm đánh bắt thủy hải sản, thu hoạch rau củ quả, rồi trực tiếp chế biến các món ăn, đồ uống,... du khách sẽ được hòa mình và cảm nhận giá trị truyền thống địa phương một cách chân thực nhất. Mô hình du lịch “*từ ruộng vườn đến bàn ăn*” sẽ mở ra những cơ hội lớn để thúc đẩy kinh tế địa phương, đóng góp đáng kể vào giá trị DLNN.

Sản phẩm du lịch là yếu tố cốt lõi xây dựng thương hiệu du lịch vùng và địa phương. ĐBSCL có những yếu tố “mở” và “động” hoàn toàn có thể phát triển DLNN một cách hiện đại, đẳng cấp.

KẾT LUẬN

Đồng bằng sông Cửu Long có những lợi thế về điều kiện tự nhiên, văn hóa đặc sắc cùng với đời sống thuần nông đã góp phần hình thành nên những giá trị văn hóa sông nước rất độc đáo, phong phú mà không phải nơi nào cũng có được. Đây chính là tiềm năng to lớn để phát triển DLNN.

Theo “Quy hoạch tổng thể phát triển du lịch vùng đồng bằng sông Cửu Long đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030” của Thủ tướng chính phủ, ban hành ngày 18-11-2016 với một số quan điểm: “Phát triển các sản phẩm du lịch mang tính cạnh tranh góp phần khẳng định thương hiệu du lịch của Vùng, trên cơ sở phát huy tối đa lợi thế so sánh về điều kiện tự nhiên và đặc trưng văn hóa của Vùng; Phát triển du lịch thích

ứng với các diễn biến của tình trạng biến đổi khí hậu, phòng, chống thiên tai, mực nước biển dâng và các biến động bất thường về thủy văn sông Mekong”. Từ đó, Chính phủ đặt ra mục tiêu phát triển của vùng đó là: “Phát triển du lịch tương xứng với tiềm năng, thế mạnh; khẳng định vị trí quan trọng của Vùng đối với du lịch Việt Nam. Từng bước nâng cao vị trí, vai trò của du lịch trong phát triển kinh tế - xã hội của Vùng, góp phần cải thiện, nâng cao đời sống người dân, góp phần quảng bá hình ảnh vùng đồng bằng sông Cửu Long với cả nước và quốc tế”²⁰.

Vì vậy, phát triển du lịch gắn kết với nông nghiệp là vấn đề mang tính khoa học, thực tiễn cao, phù hợp với chủ trương chiến lược phát triển bền vững vùng ĐBSCL. Chính quyền và các cấp, ngành du lịch ở ĐBSCL cần nâng cao nhận thức, tạo điều kiện cho nông dân làm du lịch; có chính sách khuyến khích, nhân rộng các mô hình mới, những cách làm hay trong nông nghiệp, hình thành ý thức làm du lịch từ trong nông nghiệp. Song song đó, các tỉnh, thành ĐBSCL cần có kế hoạch giới thiệu quảng bá các sản phẩm nông nghiệp chủ lực; bảo tồn, tôn vinh các giá trị văn hóa và xây dựng thương hiệu DLNN địa phương.

DLNN được mở rộng là động lực thúc đẩy kinh tế ĐBSCL phát triển; ổn định đời sống, nâng cao thu nhập cho người dân; góp phần xây dựng thành công nông thôn mới; cũng như lan tỏa các giá trị văn hóa sông nước ĐBSCL đến với cộng đồng và thế giới.

LỜI CẢM ƠN

Đây là sản phẩm của đề tài cấp Nhà nước “Phát triển chuỗi giá trị du lịch nông nghiệp tại Đồng bằng sông Cửu Long trong bối cảnh mới”. Mã số: KX.01.52/16-20

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

ĐBSCL: Đồng bằng sông Cửu Long

DLNN: Du lịch nông nghiệp

ASEAN: Association of Southeast Asian Nations

MICE: Meeting Incentive Conference Event

XUNG ĐỘT LỢI ÍCH

Tác giả không có xung đột về lợi ích với bất cứ ai liên quan đến việc công bố bài viết này.

ĐÓNG GÓP CỦA TÁC GIẢ

Bài viết tập trung phân tích các giá trị văn hóa sông nước ở Đồng bằng sông Cửu Long dựa trên phương pháp thu thập dữ liệu, tổng hợp, phân tích và đánh giá thông tin. Kết quả cho thấy, Đồng bằng sông Cửu Long có nhiều lợi thế về tự nhiên, văn hóa, nông nghiệp cho sự phát triển du lịch nông nghiệp. Trong

đó, việc bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa sông nước có ý nghĩa đặc biệt trong xu thế hội nhập và phát triển du lịch hiện nay.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Hilchey D. Agritourism in New York State. Farming Alternatives Program. Department of Rural Sociology. Ithaca, New York: Cornell University. 1993;.
2. Lobo R, Goldman GE, Jolly DA, Wallace BD, Schrader WL, Parker SA. Agricultural tourism benefits in San Diego County. California Agriculture. 1999;53(6):20–24. Available from: <https://doi.org/10.3733/ca.v053n06p20>.
3. Tew C. Importance of Agritourism for agripreneur goal accomplishment. Thesis of Faculty of the Graduate School University of Missouri. 2010; Available from: <https://mospace.umsystem.edu/xmlui/bitstream/handle/10355/8110/research.pdf?sequence=3&isAllowed=y>.
4. Hương BTL. Du lịch nông nghiệp và du lịch nông thôn. Nội san Nghiên cứu khoa học. Trường Cán bộ quản lý nông nghiệp và phát triển nông nghiệp 2. 2010;1:51–53.
5. Tuấn DT, Hoàn NX. Đa dạng hóa hình thức du lịch nông thôn. Hội thảo quốc tế Phát triển du lịch nông nghiệp và du lịch đón tiếp tại nông hộ: thể chế chính sách và bài học kinh nghiệm, Bắc Cạn. 2012;.
6. Hoàng NH. Hợp tác xuyên biên giới của vùng Tây Nam bộ. Hà Nội: Nhà xuất bản Khoa học xã hội. 2018;.
7. Bình NT. Nông nghiệp vùng Đồng bằng sông Cửu Long: Thực trạng, cơ hội và thách thức trong bối cảnh hội nhập. Hà Nội: Viện Việt Nam học và Khoa học phát triển. 2015;.
8. Sửu LQ. Những khía cạnh kinh tế của văn minh kênh rạch Nam Bộ. Hà Nội: Nhà xuất bản Khoa học xã hội. 1999;.
9. Hiếu NH. Sông nước trong đời sống văn hóa Nam Bộ. Hà Nội: Nhà xuất bản Mỹ thuật. 2017;.
10. Thêm TN. Văn hóa người Việt vùng Tây Nam Bộ. Thành phố Hồ Chí Minh: Nhà xuất bản Văn hóa văn nghệ. 2014;.
11. Gấm HT. Những biến đổi kinh tế - xã hội ở nông thôn Đồng bằng sông Cửu Long từ năm 1975 đến năm 1995. Hà Nội: Nhà xuất bản Lý luận chính trị. 2007;.
12. Mai ND. Sắc thái văn hóa sông nước vùng U Minh. Hà Nội: Nhà xuất bản Dân trí. 2011;.
13. Nô D. Nông ngư cụ thủ công Kiên Giang. Kiên Giang: Sở Văn hóa Thông tin Kiên Giang. 1998;.
14. Hùng N. Chợ nổi Đồng bằng sông Cửu Long. Thành phố Hồ Chí Minh: Nhà xuất bản Trẻ. 2009;.
15. Lệ NV. Chợ nổi Đồng bằng sông Cửu Long - nét đặc trưng văn hóa của người Việt Nam bộ. Tạp chí Phát triển Khoa học & Công nghệ. 2014;17(X3):5–14.
16. Thương TM. Đặc điểm văn hóa sông nước miền Tây Nam bộ. Hà Nội: Nhà xuất bản Mỹ thuật. 2017;.
17. Trảng HN. Chơi & trò chơi và phong hóa. Trung tâm văn hóa thành phố Hồ Chí Minh. Trò chơi dân gian & truyền thống. Thành phố Hồ Chí Minh. 2007;.
18. Trường M, Tú T. Quy luật về lũ, xâm nhập mặn tại Đồng bằng sông Cửu Long đã thay đổi. Báo Tuổi trẻ. 2019; Available from: <https://tuoitre.vn/quy-luat-ve-lu-xam-nhap-man-tai-dbscl-da-thay-doi-20190619115142602.html>.
19. Anh TTK. Những cách làm hay. Tạp chí Du lịch. 2016; Available from: <http://vtr.org.vn/nhung-cach-lam-hay.html>.
20. Thủ tướng Chính phủ. Quyết định Quy hoạch tổng thể phát triển du lịch vùng Đồng bằng sông Cửu Long đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030. 2016; Available from: <https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Van-hoa-Xa-hoi/Quyết-dinh-2227-QĐ-TTg-Quy-hoach-phat-trien-du-lich-vung-dong-bang-song-Cuu-Long-den-2020-2016-330910.aspx>.

Exploiting cultural values of water for developing Agritourism in the Mekong Delta

Thieu Quang Thinh*



Use your smartphone to scan this QR code and download this article

ABSTRACT

Agritourism is a popular type of tourism in countries that have an advantage in agriculture. The development of agricultural tourism brings many opportunities for economic development and contributes to improving the social life of residents. The Mekong Delta is located in the lowland with thousands of densely crick-crossing canals formed by alluvium of the Mekong River. Its fertile soil is very favourable to aquatic rice and fruit-tree planting. The delta is the richest granary of Viet Nam. The Mekong Delta is also imbued with cultural identities. In this article, we will focus on analyzing cultural values of river in the Mekong Delta including cuisine, river landscape, agricultural production culture, craft village culture, floating market, festivals, traditional arts, folk games, etc. The research uses data collection, aggregating, analysis, and information evaluation. Data sources are collected from books, research papers in journals and combined with field surveys. The results show that the Mekong Delta, with its own unique and unique strengths, is one of the ideal locations for agricultural tourism development in the country. Preserving and developing the cultural values of water play a special role in the trend of tourism integration and development nowadays.

Key words: Agritourism, cultural values of river, the Mekong Delta

Long Thoi Highschool, Nha Be, Ho Chi Minh city, Vietnam

Correspondence

Thieu Quang Thinh, Long Thoi Highschool, Nha Be, Ho Chi Minh city, Vietnam

Email: thieuquangthinh@gmail.com

History

- Received: 7/7/2020
- Accepted: 12/03/2021
- Published: 31/03/2021

DOI : 10.32508/stdjssh.v5i1.645



Copyright

© VNU-HCM Press. This is an open-access article distributed under the terms of the Creative Commons Attribution 4.0 International license.



Cite this article : Thinh T Q. Exploiting cultural values of water for developing Agritourism in the Mekong Delta. *Sci. Tech. Dev. J. - Soc. Sci. Hum.*; 5(1):908-918.